TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 254 / 2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 29 / 8 / 2017
V/v tranh chấp "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Hoàng Nghiệp**;
Bà **Nguyễn Thị Kim Uyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12 /2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị M,** sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn N,** sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 19, ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà M có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà M trình bày: Hôn nhân của bà với ông N do người lớn mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2002. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quốc Thái vào ngày 06/3/2009. Sau đám cưới cả hai chung sống bên nhà ông Nhiều, đến năm 2009 thì ra riêng. Do trong đời sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, đánh nhau và cả hai người không thể tự giải quyết được mâu thuẫn nên đã không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Trương Thị Tài L, sinh ngày 18/10/2003, đang sống chung với bà. Ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Văn N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa bà M Bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại. Ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi hay bị thay đổi. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, giải quyết cho bà M được ly hôn ông N; tiếp tục giao cháu L cho bà M nuôi dưỡng, chấp nhận yêu cầu của bà M không buộc ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; đối với việc phân chia tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết khi ông N có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn N. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M, ông N có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của bà M, hôn nhân giữa bà và ông N xác lập do mai mối, trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn mà cụ thể theo bà là vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, ông N có hành vi đánh đập bà mặc dù gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn, khuyên can nhưng không được. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà M trình bày còn được xác nhận bởi ông Võ Văn T tại biên bản xác minh ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Phú cũng như lời khai của cháu Trương Thị Tài L, là con chung của ông N và bà M. Đồng thời khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên ông bà chung sống lại nhưng ông N vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M, bà M không đồng ý chung sống lại nên không tiến hành hòa giải được. Từ đó có căn cứ cho thấy đời sống hôn nhân của bà M, ông N không thể tiếp tục, mâu thuẫn trầm trọng, trong thời gian chung sống các bên không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với nhau, không có sự tôn trọng nhau nên cần cho ông, bà ly hôn để mỗi bên tự xây dựng hạnh phúc riêng cho mình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Thị Tài L, sinh ngày 18/10/2003 và cháu L cũng có ý kiến muốn được sống với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Xét thấy: tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cháu L trên 07 tuổi, ý kiến của cháu là tự nguyện nên căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu L cho bà M nuôi dưỡng.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một bên hoặc cả hai bên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: do bà M không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà M xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp sau này ông N có yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền làm đơn khởi kiện trong 01 vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 58 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị M và ông Trương Văn N được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Tài L, sinh ngày 18/10/2003, hiện đang sống chung với bà M cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng

Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở quyền thăm nom con chung của ông N.

Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một bên hoặc của cả hai bên hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí*:* Bà Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010983 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà M đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Quốc Thái;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo